

BẢN TIN VỤ ĐÔNG XUÂN NĂM 2020 - 2021

**DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC VÀ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG NƯỚC
PHỤC VỤ CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CẤP NƯỚC CHO SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP**

Lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn và vùng phụ cận

I. TÌNH HÌNH NGUỒN NƯỚC

1.1. Lượng mưa

Bảng 1.1. Tổng hợp lượng mưa, dự báo mưa tại các trạm chính

TT	Trạm	Lượng mưa từ đầu mùa mưa đến nay (mm)	So sánh với cùng kỳ(+/-%)					Lượng mưa dự báo (mm)						
			TBNN	2019	2018	2016	2015	Đến hết tháng 12	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	Tháng 4	Tổng	% TBNN
1	Cẩm Lệ	2.274	+81	+105	+360	+66	+145	300	70	22	27	40	459	+41
2	Đà Nẵng	2.393	+86	+83	+431	+67	+123	326	91	27	29	45	519	+35
3	Ái Nghĩa	2.630	+103	+136	+378	+161	+134	307	84	33	33	57	515	+43
4	Câu Lâu	2.498	+105	+134	+577	+153	+163	355	91	29	26	37	538	+51
5	Giao Thủy	2.508	+92	+152	+304	+114	+121	340	96	36	33	56	561	+44
6	Thành Mỹ	2.195	+113	+196	+300	+146	+231	201	50	22	44	98	414	+29
7	Hiệp Đức	2.574	+73	+188	+307	+115	+132	544	36	20	41	27	668	-24
8	Tam Kỳ	2.472	+71	+85	+228	+95	+161	486	72	19	29	22	628	-15
9	Hội Khách	2.616	+137	+198	+408	+151	+201	336	20	10	24	23	412	-29
10	Trà My	3.088	+55	+88	+209	+66	+107	635	82	38	64	26	846	-14
11	Nông Sơn	3.036	+109	+215	+341	+154	+193	489	32	18	39	21	600	-23
12	Hội An	2.428	+96	+126	+511	+133	+249	490	31	11	20	14	567	-20
	T.Bình	2.559	+94	+142	+363	+118	+163	401	63	24	34	39	561	+10

Nhận xét: Lượng mưa bình quân cộng dồn từ đầu mùa mưa đến nay tại các trạm đo mưa chính trên địa bàn vùng nghiên cứu đạt khoảng 2.559 mm. So với trung bình nhiều năm tại các trạm có xu thế cao hơn TBNN từ 55 ÷ 113%. Trong đó một số trạm điển hình như trạm Đà Nẵng cao hơn TBNN khoảng 86%, Ái Nghĩa cao hơn 103%, Giao Thủy cao hơn 92%, Hội An cao hơn 96%, Tam Kỳ cao hơn 71%.

Theo dự báo mới nhất của Trung tâm Dự báo khí tượng thủy văn quốc gia (bản tin ngày 15/11/2020) khu vực Nam Trung Bộ: Hiện tượng ENSO: Xu thế nhiệt độ mặt nước biển tiếp tục lạnh đi và hiện tượng La Nina đã xuất hiện; dự báo hiện tượng La Nina sẽ tiếp tục duy trì từ nay cho tới những tháng đầu năm 2021. Lượng mưa dự báo: Khu vực Trung Bộ, tháng 12/2020, tháng 1/2021 tổng lượng mưa phổ biến cao hơn từ 15 ÷ 40% so với TBNN. Tháng 02/2021, tổng lượng mưa phổ biến xấp xỉ so với TBNN; riêng từ Bình Định đến Bình Thuận có thể xuất hiện mưa trái mùa tổng lượng mưa đạt từ 40÷80 mm cao hơn TBNN; vào tháng 3 và tháng 5/2021, tổng lượng mưa phổ biến xấp xỉ TBNN; riêng từ Đà Nẵng đến Bình Thuận tổng lượng mưa cao hơn từ 10 ÷ 30% so với TBNN. Vào tháng 4/2021, khu vực Trung và Nam Trung Bộ phổ biến cao hơn từ 20 ÷ 40% so với TBNN cùng thời kỳ.

Dự báo từ nay đến hết vụ Đông Xuân 2020 - 2021 toàn vùng sẽ có mưa với tổng lượng mưa phổ biến từ 412 ÷ 846 mm.

1.2. Nguồn nước trong các công trình thủy lợi, thủy điện

a) Nguồn nước trữ các hồ chứa thủy lợi

Bảng 1.2. Tổng hợp nguồn nước tại các công trình thủy lợi

TT	Tên công trình	Thiết kế (triệu m ³)		Hiện tại (%)		So cột (5) với cùng kỳ (+/-%)					Xu thế kỳ tiếp
		Wtb	Whi	Wtb	Whi	TBNN	2015	2016	2018	2019	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1	Đồng Nghệ*	17,17	15,87	74	72	-5,4	-21,6	-26,0	+36,1	+2,3	Tăng
2	Hòa Trung	11,01	10,67	87	87	+9,3	+4,7	-5,8	+8,6	-3,3	Tăng
3	Phú Ninh	344,00	273,70	85	81	+11,7	+21,8	-1,3	+28,7	+6,0	Tăng
4	Việt An*	22,95	20,12	94	94	+31,2	+48,5	+12,7	+70,6	+25,8	Tăng
5	Khe Tân	54,00	46,50	102	102	+7,9	-0,5	-3,2	+18,7	-2,3	Giảm
6	Vĩnh Trinh*	20,74	18,34	100	100	+27,0	+17,8	+14,5	+79,7	+17,2	Giảm
7	Thái xuân	12,03	11,38	102	102	+36,8	+51,5	+31,5	+59,2	+21,6	Giảm
8	Thạch Bàn	9,87	8,38	104	105	+16,6	+2,6	-0,8	+60,9	+1,5	Giảm
9	Đông Tiễn	7,69	6,88	102	102	+36,0	+46,7	+3,9	+69,3	+55,4	Giảm
10	Phước Hà	6,34	5,89	102	102	+16,8	+12,9	-3,7	+67,0	+24,7	Giảm
11	Hồ Giang	5,05	4,82	101	101	+23,7	+11,4	+0,6	+46,1	+49,3	Giảm
12	Cao Ngạn	4,13	3,68	90	98	+30,4	+34,2	-0,5	+64,1	+54,1	Giảm
13	Phú Lộc	3,51	3,33	101	101	+9,4	+0,3	-2,1	+61,8	+0,6	Giảm
14	An Long	2,04	1,84	103	103	+5,1	+2,2	+2,2	+20,2	+2,1	Giảm
15	Trung Lộc	1,96	1,75	83	81	+4,4	-4,2	+5,3	+36,2	+5,6	Tăng
16	Hương Mao	1,14	1,05	100	100	+8,9	+0,5	+21,2	+35,9	+0,8	Giảm
17	Cây Thông	0,99	0,94	99	99	+43,1	+51,4	+35,4	+71,5	+56,4	Giảm
18	Đá Vách	0,80	0,70	105	106	+2,3	+3,2	+1,0	+2,4	+2,4	Giảm
19	Nước Rôn	0,58	0,46	103	104	+3,1	+34,4	+29,2	-1,8	-105,2	Giảm
	Tổng	526,00	436,31	89	87	+13,5	+19,0	-0,2	+34,4	-4,6	

Nhận xét: Tổng dung tích toàn bộ thiết kế của 19 công trình hồ chứa thủy lợi lớn trên địa bàn vùng nghiên cứu là 526 triệu m³, hiện tại tổng dung tích các hồ đạt 89% so với dung tích toàn bộ thiết kế, 87% so với dung tích hữu ích thiết kế, cao hơn so với cùng kỳ trung bình nhiều năm là 13,5%, thấp hơn cùng kỳ năm 2019 là 4,6%, cao hơn so với cùng kỳ năm 2018 là 34,4%.

b) Nguồn nước trữ tại các hồ chứa thủy điện tham gia bổ sung nước cho hạ du

Bảng 1.3. Tổng hợp nguồn nước tại các công trình thủy điện chính bổ sung nước vùng hạ du

TT	Tên công trình	Thiết kế (triệu m ³)		Hiện tại (%)		So với cùng kỳ (+/-)					Dự báo xu thế nguồn nước	Qđén (m ³ /s)	Q xả (công/trần) (m ³ /s)	Q chạy máy (m ³ /s)	MN hiện tại so với QTVH (m)
		Wtb	Whi	Wtb	Whi	TBNN	2015	2016	2018	2019					
1	A Vương	343,6	266,5	95,6	94,4	+39,9	+39,9	+15,0	+71,5	+59,6	Giảm	167,7	155,0	69,9	-1,7
2	Sông Tranh 2	729,2	521,1	90,3	86,4	+19,1	+7,2	-3,5	+61,8	+21,5	Giảm	700,4	746,3	195,7	-3,5
3	Đăk Mi 4	312,4	158,3	100,0	99,9	+17,9	+13,5	+10,6	+49,2	+6,8	Giảm	405,6	254,8	100,6	-0,0
4	Sông Bung 4	510,8	234,0	89,4	76,9	+15,1	+17,3	+8,4	+23,2	+22,8	Giảm	343,0	514,4	149,4	-3,5
5	Tổng	1.896,0	1.179,9	92,6	88,1	+21,6	+16,9	+3,1	+51,1	+26,3					

Nhận xét: Hiện tại, tổng dung tích toàn bộ trong các hồ đạt khoảng 92,6% so với dung tích toàn bộ thiết kế, đạt 88,1% dung tích hữu ích thiết kế, cao hơn so với trung bình nhiều năm là 21,6%, cao hơn cùng kỳ năm 2019 khoảng 26,3% và cao hơn cùng kỳ năm 2018 là 51,1%. Mực nước hiện tại thấp hơn từ 1,7 ÷ 3,5 m so với mực nước quy định tại bảng 1,2 điều 6 của quy trình vận hành 1865/2019/QĐ-TTg.

II. KHẢ NĂNG CẤP NƯỚC CỦA CÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI VÀ NHẬN ĐỊNH TÌNH HÌNH HẠN HẠN

2.1. Các kịch bản hạn hạn

a) Kịch bản hạn vùng sử dụng nước trong các hồ chứa thủy lợi

Lượng mưa dự báo trong vụ Đông Xuân tại trạm Đà Nẵng khoảng 326 mm, trạm Tam Kỳ 486 mm, trạm Nông Sơn 490 mm, trạm Thành Mỹ khoảng 201 mm. Dự báo tổng dung tích hữu ích các hồ chứa đầu vụ Đông Xuân năm 2020 - 2021 đạt khoảng 525 triệu m³. Kịch bản hạn vùng sử dụng nước từ các hồ chứa thủy lợi lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn và vùng phụ cận thuộc tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng cho vụ Đông Xuân được dự báo không xảy ra hạn.

b) Kịch bản hạn vùng ngoài công trình thủy lợi

Đối với vùng nằm ngoài công trình thủy lợi: Lượng mưa cộng dồn trạm Đà Nẵng từ đầu mùa mưa đến trước vụ sản xuất và dự báo là 2.590 mm, trạm Tam Kỳ 2.775 mm, trạm Hội An là 2.796 mm, trạm Nông Sơn 3.377 mm, trạm Thành Mỹ 2.322 mm, lượng mưa dự báo trong vụ sản xuất tại các vùng từ là 201 ÷ 635 mm. Kịch bản hạn vùng sử dụng nước vùng ngoài công trình thủy lợi lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn và vùng phụ cận vụ Đông Xuân dự báo không xảy ra hạn.

2.2. Khả năng cấp nước của công trình thủy lợi

Theo thực tế sản xuất vụ Đông Xuân hàng năm đối với 39 hệ thống công trình thủy lợi bao gồm 20 hồ chứa, 5 hệ thống đập dâng và 14 hệ thống trạm bơm trên lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn và vùng phụ cận, với diện tích gieo trồng khoảng 23.500 ha.

Theo tính toán của Viện Quy hoạch Thủy lợi, tổng nhu cầu nước cho vụ Đông Xuân năm 2020 -2021 của 39 công trình thủy lợi trên địa bàn vùng khoảng 230 triệu m³. Các công trình, hệ thống công trình có nhu cầu nước lớn như: hệ thống tưới hồ Phú Ninh, Đồng Nghệ, Khe Tân, Vĩnh Trinh, Thái Xuân.

Kết quả tính toán cân bằng nước cho toàn hệ thống cho thấy: 39/39 công trình đáp ứng đủ 100% diện tích tưới theo kế hoạch.

Bảng 2.1. Kết quả tính toán khả năng cấp nước các công trình

TT	Tên công trình	Wtb hiện tại (tr.m3)	Nhiệm vụ sản xuất (ha)	Dự báo vụ Hè Thu năm 2020				Khuyến cáo
				Whi hiện có (%)	Khả năng đáp ứng (%)	Diện tích đáp ứng (ha)	Whi cuối vụ so với TK (%)	
A	Các hồ chứa	466,95	19.560	87		19.560	77	
1	Đồng Nghệ*	12,70	830	72	100	830	78	Đủ nước
2	Hòa Trung	9,59	250	87	100	250	89	Đủ nước
3	Phú Ninh	290,83	12.000	81	100	12.000	82	Đủ nước
4	Việt An*	21,68	891	94	100	891	83	Đủ nước
5	Khe Tân	54,88	1.534	102	100	1.534	81	Đủ nước
6	Vĩnh Trinh*	20,77	783	100	100	783	89	Đủ nước
7	Thái xuân	12,30	512	102	100	512	87	Đủ nước
8	Thạch Bàn	10,25	726	105	100	726	88	Đủ nước
9	Đồng Tiên	7,82	468	102	100	468	47	Đủ nước
10	Phước Hà	6,47	352	102	100	352	92	Đủ nước
11	Hồ Giang	5,11	282	101	100	282	73	Đủ nước
12	Cao Ngạn	3,74	220	98	100	220	59	Đủ nước
13	Phú Lộc	3,54	161	101	100	161	90	Đủ nước
14	An Long	2,09	127	103	100	127	92	Đủ nước
15	Trung Lộc	1,63	150	81	100	150	85	Đủ nước

TT	Tên công trình	Wtb hiện tại (tr.m3)	Nhiệm vụ sản xuất (ha)	Dự báo vụ Hè Thu năm 2020				Khuyến cáo
				Whi hiện có (%)	Khả năng đáp ứng (%)	Diện tích đáp ứng (ha)	Whi cuối vụ so với TK (%)	
16	Hương Mao	1,14	4	100	100	4	99	Đủ nước
17	Cây Thông	0,98	60	99	100	60	48	Đủ nước
18	Đá Vách	0,84	103	106	100	103	103	Đủ nước
19	Nước Rôn	0,60	107	104	100	107	100	Đủ nước
B	Các đập dâng		4.046			4.046		
1	An Trạch		1.282			1.282		Đủ nước
2	Hà Thanh		221			221		Đủ nước
3	Bầu Nít		132			132		Đủ nước
4	Thanh Quýt		701			701		Đủ nước
5	Duy Thành		1.710			1.710		Đủ nước
C	Các trạm bơm		Nhiệm vụ sản xuất (ha)	CTMNBH thiết kế (m)	CTMNBH hiện tại (m)	Diện tích đáp ứng (ha)	Ghi chú	
	Tổng cộng		3.928			3.928		
1	An Trạch	Thuộc HT An Trạch						Đủ nước
2	Hà Châu		323	+0,60	+0,85	323		Đủ nước
3	Cầm Thanh		71	+0,00		71		Đủ nước
4	Ái Nghĩa		357	+2,50	+4,80	357		Đủ nước
5	Đông Hồ 1		457	+1,65		457		Đủ nước
6	La Thọ		195	+2,40		195		Đủ nước
7	Tứ Câu		253	-0,55		253		Đủ nước
8	Cầm Sa		118	+0,17		118		Đủ nước
9	Thanh Quýt		148	0,00		148		Đủ nước
10	Đông Quang 1		714	+1,88		714		Đủ nước
11	Vĩnh Điện		691	+0,13	+0,30	691		Đủ nước
12	Cầm Vãn		601	+1,62		601		Đủ nước
13	Thái Sơn 1	Thuộc HT An Trạch		+1,49				Đủ nước
14	Xuyên Đông	Thuộc HT Duy Thành		+0,00	+0,40			Đủ nước
	Tổng cộng		27.534			27.534		

2.3. Mức độ rủi ro hạn ở các vùng ngoài công trình thủy lợi

Kết quả tổng hợp lượng mưa từ đầu mùa mưa và lượng mưa dự báo trong vụ Đông Xuân, so sánh với các năm điển hình cùng thời đoạn được tổng hợp theo từng trạm tương ứng với phạm vi ảnh hưởng tại mỗi trạm trên địa bàn tỉnh được thể hiện như bảng sau:

Bảng 2.2. So sánh lượng mưa và khuyến cáo, mức độ rủi ro hạn tại các vùng

TT	Tên trạm	Vùng	Lượng mưa từ 1/9 đến nay và dự báo (mm)	So sánh mưa cùng thời đoạn (+/-%)			Khuyến cáo
				Min	TBNN	Max	
1	Cầm Lệ	Cầm Lệ	2.731	+95	+19	-35	Không hạn
2	Đà Nẵng	Đà Nẵng	2.910	+107	+23	-31	Không hạn
3	Ái Nghĩa	Ái Nghĩa	3.144	+90	+24	-24	Không hạn
4	Câu Lâu	Câu Lâu	3.036	+115	+34	-29	Không hạn
5	Giao Thủy	Giao Thủy	3.068	+82	+19	-30	Không hạn
6	Thành Mỹ	Thành Mỹ	2.608	+134	+7	-40	Không hạn
7	Hiệp Đức	Hiệp Đức	3.235	+85	-1	-39	Không hạn
8	Tam Kỳ	Tam Kỳ	3.097	+74	+4	-37	Không hạn
9	Hội Khách	Hội Khách	3.027	+120	+25	-28	Không hạn
10	Trà My	Trà My	3.929	+45	-13	-49	Không hạn

TT	Tên trạm	Vùng	Lượng mưa từ 1/9 đến nay và dự báo (mm)	So sánh mưa cùng thời đoạn (+/-%)			Khuyến cáo
				Min	TBNN	Max	
11	Nông Sơn	Nông Sơn	3.635	+91	+12	-25	Không hạn
12	Hội An	Hội An	2.994	+136	+27	-37	Không hạn
	Trung bình		3.118	98	15	-34	

Nhận xét: Lượng mưa cộng dồn trung bình tại các trạm đo mưa chính trên địa bàn vùng nghiên cứu tính từ đầu mùa mưa đến nay và dự báo: So với TBNN cùng kỳ tại trạm Đà Nẵng cao hơn 23%, trạm Ái Nghĩa cao hơn 24%, trạm Giao Thủy cao hơn 19%, tại trạm Tam Kỳ cao hơn 4%. Khuyến cáo không xảy ra hạn.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Hiện nay 19 công trình hồ chứa nước vừa và lớn trong vùng đã tích được 89% dung tích toàn bộ thiết kế, cao hơn 13,5% so với trung bình nhiều năm. Theo các kết quả tính toán của Viện Quy hoạch thủy lợi, vụ Đông Xuân 2020 - 2021 trên địa bàn các tỉnh thuộc lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn và vùng phụ cận ít có khả năng xảy ra hạn hán trong vụ Đông Xuân tới.

Tuy nhiên theo dự báo trong thời gian tới trên lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn và phụ cận có tiếp tục có mưa to. Để chủ động ứng phó với mưa, lũ, đảm bảo an toàn tính mạng và tài sản của người dân cần chủ động thông tin kịp thời, khuyến cáo, hướng dẫn người dân trong các hoạt động đi lại và sản xuất khi có mưa lũ xảy ra.

Tiếp tục chỉ đạo, triển khai các biện pháp gia cố hồ đập nhất là các hồ chứa vừa và nhỏ, giám sát việc vận hành an toàn các hồ đập trên địa bàn tỉnh theo các quy trình vận hành hồ chứa đã được phê duyệt.

Tập đoàn điện lực Việt Nam cần chỉ đạo các chủ hồ vận hành các hồ tuân thủ theo quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại quyết định 1865/2019/QĐ-TTg và Điều 28 Luật Thủy lợi nhằm hỗ trợ công tác cấp nước và phòng chống lũ lụt hạ du trong thời gian tới.

Trong vụ sản xuất: Để đảm bảo nguồn nước sản xuất và có nguồn nước dự phòng phục vụ cho sản xuất vụ Hè Thu trong năm 2021. Cần chú ý:

Thực hiện các giải pháp sử dụng nước tiết kiệm, khoa học theo quy trình thâm canh lúa cải tiến (SRI), để đáp ứng nhu cầu nước tốt nhất cho cây trồng, tiết kiệm nước cho sản xuất vụ Hè Thu năm 2020.

Các cơ quan liên quan cần liên tục cập nhật, thông tin thường xuyên về tình hình nguồn nước để chủ động điều chỉnh các giải pháp ứng phó kịp thời và hiệu quả; hướng dẫn thực hiện các biện pháp tưới tiết kiệm, chỉ đạo sản xuất vụ Đông Xuân được an toàn, hiệu quả.

Đây là bản tin dựa trên dự báo mưa của TTDBKTTV Trung ương trước 6 tháng (đến hết tháng 4/2021). Cần theo dõi các bản tin tiếp theo để cập nhật tình hình dự báo mưa và nguồn nước trong giai đoạn tới.

Hết bản tin.

Viện Quy hoạch thủy lợi